

BeQ HOLDINGS

CHỈ SỐ BEQ VNX VIETNAM FINANCIAL

Kết nối thị trường, Trao quyền cho tăng trưởng

Tháng tám, 2026



Chỉ số BeQ Vietnam VNX Financial

-28%

Hiệu suất cuốn chiếu 12 tháng*

Chỉ số BeQ Vietnam VNX Top 10 Financial

-27%

Hiệu suất cuốn chiếu 12 tháng *

*Cập nhật: 31 tháng 8, 2026

Cùng thời điểm, hiệu suất của chỉ số VNI và S&P500 lần lượt là 9.04% và 18.98%

BeQ Việt Nam VNX Chỉ số Dịch vụ Tài chính, một ngành được định vị cho dòng vốn toàn cầu

Việc nâng cấp FTSE của Việt Nam không chỉ là một sự tái phân loại mang tính biểu tượng — mà còn được kỳ vọng sẽ mang lại hàng tỷ đô la dòng vốn tự động vào ETF và các công cụ theo dõi chỉ số. Các luồng này phụ thuộc nhiều vào cơ sở hạ tầng do các công ty dịch vụ Financial cung cấp: ngân hàng đầu tư và huy động vốn, dịch vụ chứng khoán và lưu ký, bảo hiểm và giải pháp rủi ro, quản lý tài sản, định giá, tư vấn và dịch vụ dữ liệu Tài chính.

Khi dòng tiền vào tăng lên, các công ty vận hành các chức năng này sẽ là những đơn vị đầu tiên mở rộng quy mô.

Các công ty dịch vụ Financial có cấu trúc gắn liền với những xu hướng đó: bất cứ khi nào thanh khoản tăng, hoạt động doanh nghiệp mở rộng hoặc sự tham gia của nhà đầu tư tăng vọt, các công ty dịch vụ tài chính đều đứng ngay tại điểm bị ảnh hưởng.

Dịch vụ Financial đóng vai trò then chốt đối với tầm nhìn IFC của Việt Nam

Tham vọng dài hạn của Việt Nam trong việc thành lập các Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC) — đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng — phụ thuộc vào sức mạnh và sự tinh vi của ngành dịch vụ Tài chính.

IFC yêu cầu hạ tầng thị trường phức tạp

Để Việt Nam có thể cạnh tranh với Singapore, Hồng Kông hoặc Dubai, Việt Nam phải cung cấp: cơ sở hạ tầng lưu ký và thanh toán bù trừ hiện đại, quy trình bảo hiểm và tái bảo hiểm tiêu chuẩn quốc tế, dịch vụ nghiên cứu và dữ liệu, năng lực tư vấn xuyên biên giới, quản lý tài sản sâu rộng và đa dạng hóa sản phẩm.

Các chức năng này chủ yếu tồn tại trong các công ty dịch vụ Financial được theo dõi bởi các Chỉ số Dịch vụ Financial VNX.

Sự tinh vi trong Financial doanh nghiệp sẽ định hình bản sắc IFC của Việt Nam

Các IFC phát triển mạnh ở nơi Tài chính doanh nghiệp năng động — M&A, đường ống IPO, tư vấn tái cấu trúc và huy động vốn.

Những hoạt động này dựa vào các công ty dịch vụ Tài chính đa dạng — không chỉ dựa vào ngân hàng hay môi giới.

Các IFC hiện đại được neo giữ bởi hoạt động quản lý tài sản

ETF, quỹ tương hỗ, quỹ hưu trí, quỹ bảo hiểm và nền tảng quản lý tài sản là những động lực cốt lõi của thanh khoản IFC. Các công ty dịch vụ Tài chính của Việt Nam đang nhanh chóng mở rộng các dịch vụ này, chuẩn bị đón nhận dòng vốn nước ngoài và trong nước.

Do đó, các Chỉ số Tài chính BeQ không chỉ đóng vai trò là các chuẩn mực ngành mà còn là lộ trình, minh họa tốc độ nhanh chóng của Việt Nam trong việc xây dựng giàn giáo thành một trung tâm Tài chính quốc tế.

Chuỗi chỉ số Financial BeQ Việt Nam VNX

Thiết kế

Chỉ số này được thiết kế theo các tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ UCITS, phù hợp để hỗ trợ các quỹ, ETF, phái sinh và các sản phẩm cấu trúc.

Benchmark (Chỉ số tham chiếu)

Chỉ số Financial BeQ Việt Nam VNX bao phủ tất cả các cổ phiếu Việt Nam đủ điều kiện theo Tiêu chuẩn Phân loại Ngành Toàn cầu (GICS). Chỉ số được tính trọng số theo toàn bộ vốn hóa thị trường, bắt đầu từ 1.000 vào ngày cơ sở 31 tháng 12 năm 2008.

Tradable (Chỉ số giao dịch)

Chỉ số Top 10 của BeQ Việt Nam VNX Financials chọn ra 10 thành phần hàng đầu 'tốt nhất' của chỉ số BeQ Vietnam VNX Financials về tính thanh khoản và vốn hóa điều chỉnh trên tự do floating. Chỉ số này được trọng số theo vốn hóa thị trường tự do, bắt đầu từ 1.000 vào ngày cơ sở 31 tháng 12 năm 2008.

Variants (Các biến thể)

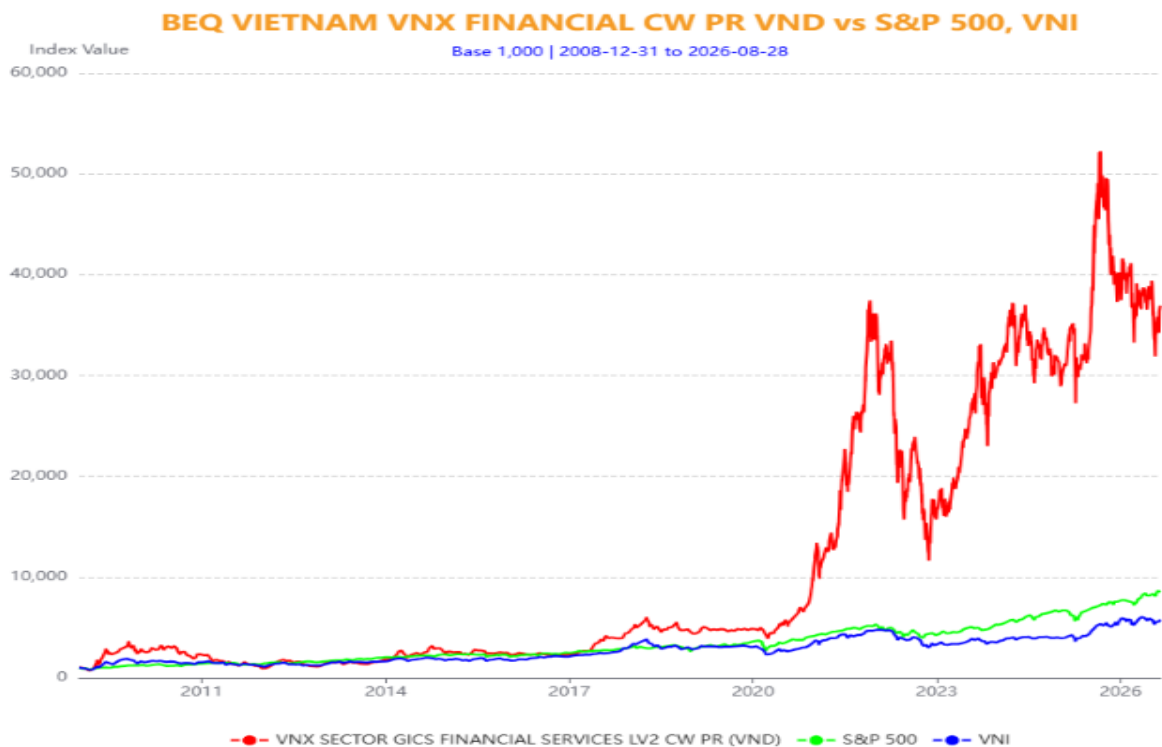
Các Chỉ số Financial Chính BeQ Việt Nam VNX được tính theo định dạng Lợi nhuận Giá (PR), với các phiên bản Tổng lợi nhuận (TR) và Lợi nhuận ròng (NR) cũng có sẵn. Đồng tiền chỉ số tiêu chuẩn là VND, trong khi các phiên bản tiền tệ bổ sung – như AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC – được cung cấp cho nhà đầu tư nước ngoài để phản ánh hiệu quả thực tế của họ.

Thành phần

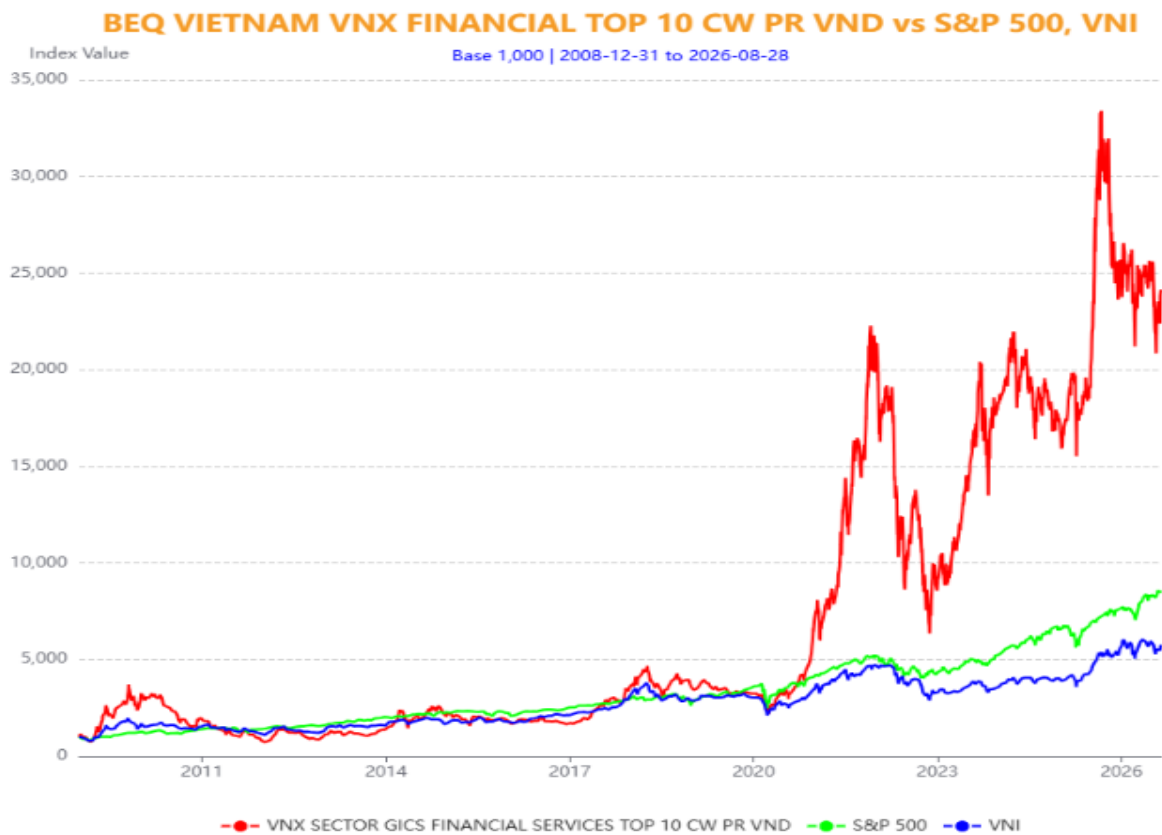
Top 5 thành phần của BeQ Vietnam VNX Financials Top 10

Thứ tự	Tên	Mã	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	Tỷ trọng
1	[REDACTED]	[REDACTED]	Tài chính	HSX	15.37%
2	[REDACTED]	[REDACTED]	Tài chính	HSX	15.16%
3	[REDACTED]	[REDACTED]	Tài chính	HSX	14.13%
4	[REDACTED]	[REDACTED]	Tài chính	HSX	13.38%
5	[REDACTED]	[REDACTED]	Tài chính	HSX	13.15%

Hiệu suất hiện tại

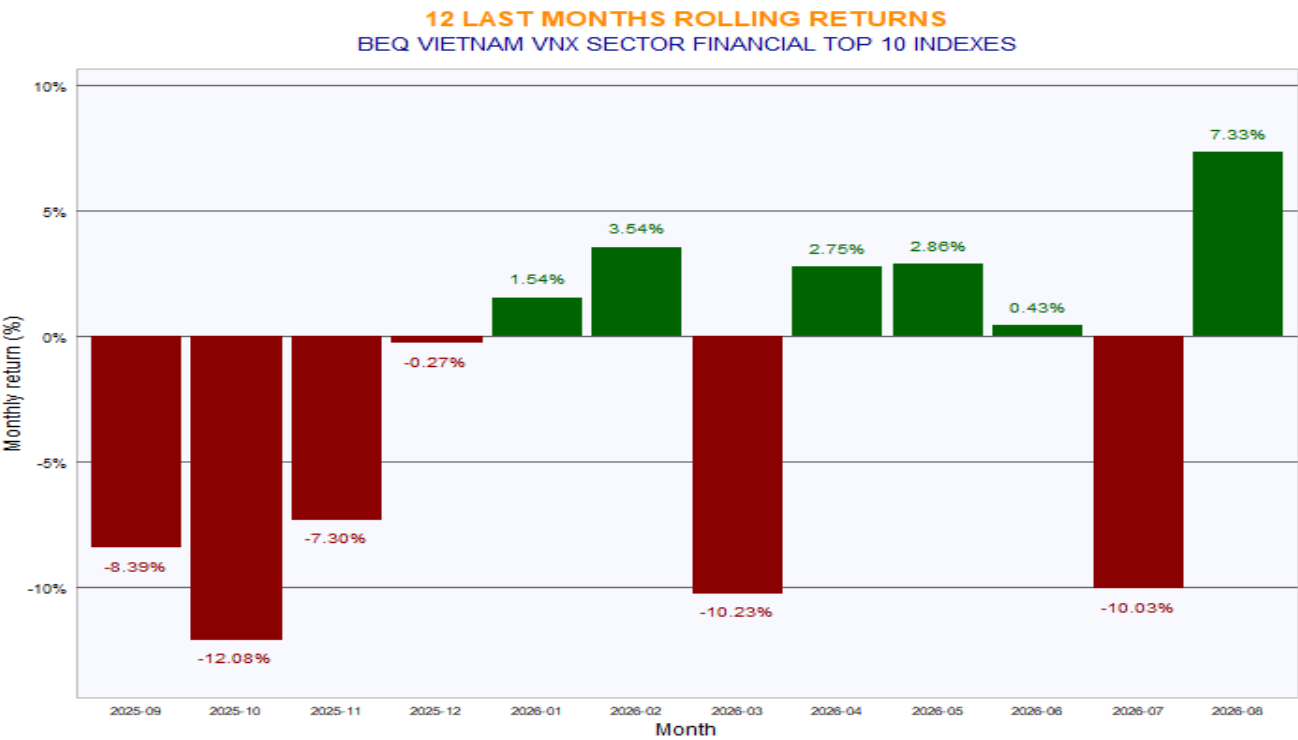


Cập nhật: 31 tháng 8, 2026

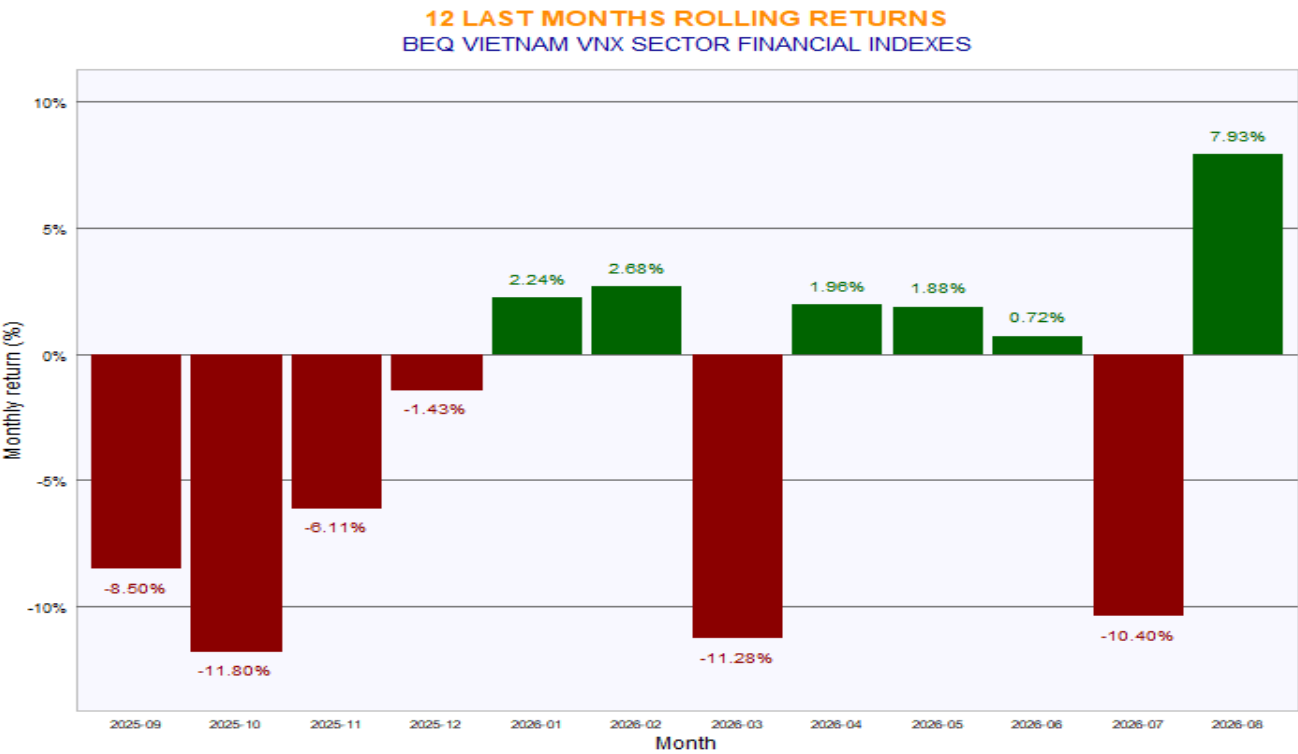


Cập nhật: 31 tháng 8, 2026

Hiệu suất 12 tháng



Cập nhật: 31 tháng 8, 2026



Cập nhật: 31 tháng 8, 2026

Bảng thông tin: Chỉ số BeQ Vietnam VNX Financial

Yếu tố	Mô tả
Tên	Chỉ số Financial BeQ Việt Nam VNX
Mã	INDGI2FFS[CW][PR][VND]
Mô tả ngắn	Chỉ số Financial BeQ Việt Nam VNX theo dõi các "kiến trúc sư" chuyên môn của nền kinh tế Việt Nam đang trưởng thành nhanh chóng. Trong khi các chỉ số rộng hơn đo lường giá thị trường, chỉ số này tập trung vào nền tảng thể chế: ngân hàng đầu tư, quản lý tài sản, bảo hiểm và các dịch vụ dữ liệu tinh vi cần thiết để duy trì Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC).
Lựa chọn	Tất cả các nguồn đủ điều kiện đều tuân theo GICS
Chu kỳ xem xét	Hàng quý tiếp theo chu kỳ tháng 3/6/9/12
Ngày rà soát	Ngày có hiệu lực là ngày giao dịch tiếp theo của ngày xem xét Ngày thông báo 1 tuần trước ngày có hiệu lực Ngày cắt kết thúc ngày cuối tháng trước đó
Phương pháp tính trọng số	Vốn hóa thị trường đầy đủ (CW) Các trọng số khác có sẵn: Cân bằng trọng số (EW)
Phiên	PR (Giá cả), NR (Lợi nhuận ròng), TR (Tổng lợi nhuận)
Loại tiền tệ	VND và có sẵn bằng USD, EUR, JPY, CNY, CAD, ...
Tần suất tính toán	Cuối ngày
Tổng số lượng chỉ số	48
Giá trị	1.000
Ngày cơ sở	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Mức cao lịch sử	52242.93
Mức thấp lịch sử	3839.225
Trang web	www.ccpi.vn dashboardlite.ccpi.vn

Bảng thông tin: Chỉ số BeQ Vietnam VNX Top 10 Financial

Yếu tố	Description
Tên	BeQ Việt Nam VNX Chỉ số Top 10 Financial
Mã	INDGI2FFS10[CW][PR][VND]
Nhóm	FINANCIAL
Mô tả ngắn	Chỉ số Top 10 của BeQ Việt Nam VNX Financials chọn ra 10 thành phần hàng đầu 'tốt nhất' của chỉ số BeQ Vietnam VNX Financials về tính thanh khoản và vốn hóa điều chỉnh trên tự do floating.
Tiêu chí lựa chọn	Top 10, Tốt nhất về thanh khoản (doanh thu), và vốn hóa (điều chỉnh theo tự do lưu hành)
Chu kỳ xem xét	Hàng quý tiếp theo chu kỳ tháng 3/6/9/12
Ngày rà soát	Ngày có hiệu lực là ngày giao dịch tiếp theo của ngày xem xét Ngày thông báo 1 tuần trước ngày có hiệu lực Ngày cắt kết thúc ngày cuối tháng trước đó
Phương pháp tính trọng số	Vốn hóa tự do lưu hành đã điều chỉnh theo tự do lưu hành, và giới hạn ở mức 15% (CW) Các trọng số khác có sẵn: Cân bằng trọng số (EW)
Phiên bản chỉ số	PR (Giá cả), NR (Lợi nhuận ròng), TR (Tổng lợi nhuận)
Loại tiền tệ	VND và có sẵn bằng AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC
Tần suất tính toán	Cuối ngày
Tổng số lượng chỉ số	48
Ngày cơ sở	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Giá trị cơ sở	1,000
Ngày ra mắt	Ngày 22 tháng 3 năm 2023
Mức cao lịch sử	33401.08
Mức thấp lịch sử	679.2213
Trang web	www.ccpi.vn dashboardlite.ccpi.vn

BEQHOLDINGS.com

BeQ Holdings



Contacts

USA

200 Continental Drive, Newark,
DE 19713, USA

UK

128 City Road, London, United Kingdom,
EC1V 2NX

VIETNAM

67 Dinh Thi Thi Street, Van Phuc City, Thu Duc
District, Ho Chi Minh City

SINGAPORE

14 Robinson Road #08-01A, Far East Finance
Building, 048545, Singapore

LUXEMBURG

BeQuantum Group

LUXEMBURG

BeQ Wealth Farming Bank

WEBSITES

www.beqholdings.com

www.ccpi.vn

dashboardlite.ccpi.vn